

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CHÍNH SÁCH THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀ MỘT SỐ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

Ths. Phan Thị Phương Thanh*

Bài viết này tập trung vào kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong việc thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN) trên các khía cạnh sau: (1) Chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút ĐTNN; (2) Chính sách hỗ trợ khác, trong đó chủ yếu là tạo môi trường kinh doanh hấp dẫn, bình đẳng, cải cách các thủ tục hành chính, đặc biệt là về điều kiện kinh doanh đối với các doanh nghiệp nước ngoài.

• Từ khóa: đầu tư nước ngoài, chính sách đầu tư, ưu đãi thuế, cải cách thủ tục hành chính.

This article focuses on the experience of several countries in the world in attracting foreign investment (FDI) in the following aspects: (1) Tax incentive policies to attract foreign investment; (2) Other supporting policies, mainly creating an attractive and equal business environment, reforming administrative procedures, especially on business conditions for foreign enterprises.

• Keywords: foreign investment, investment policies, tax incentives, administrative procedure reform.

Ngày nhận bài: 5/8/2019

Ngày chuyển phân biên: 7/8/2019

Ngày nhận phân biên: 15/8/2019

Ngày chấp nhận đăng: 22/8/2019

1. Chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút ĐTNN

So với giai đoạn trước, để tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư trong nước, mức thuế suất thuế TNDN của nhiều nước trên thế giới, cả các nước phát triển và các nước đang phát triển, đã được điều chỉnh giảm đáng kể. Trong đó, có những quốc gia đã thực hiện cắt giảm mức thuế suất thuế TNDN khá cao. Tuy nhiên, để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến thu ngân sách, việc giảm thuế suất thuế TNDN đã được các nước tiến hành từng bước và lộ trình cắt giảm thường được công bố trước. Song song với việc cắt giảm thuế suất, một số nước cũng thực hiện các biện pháp để mở rộng cơ sở thuế, kiểm soát chặt các khoản chi phí được trừ. Cụ thể:

Mức thuế suất thuế TNDN trung bình của các nước OECD đã giảm từ 32% năm 2000 xuống 25% năm 2015 và đến năm 2018 còn 22%. Từ năm 2013 đến nay, Anh đã 4 lần giảm thuế suất thuế TNDN phổ thông, từ 24% xuống 19%. Năm 2017, Mỹ đã giảm mức thuế suất phổ thông thuế TNDN từ 35% xuống còn 21%. Australia đã lên lộ trình điều chỉnh giảm dần mức thuế suất thuế TNDN trong những năm tới đây, từ mức 30% xuống 25%. Tại khu vực châu Á, năm 2010, Singapore đã giảm mức thuế suất thuế TNDN từ 18% xuống 17%. Hàn Quốc đã cắt giảm thuế suất thuế TNDN từ 22% xuống 20% vào năm 2012. Malaysia giảm thuế suất từ 25% xuống 24% từ năm 2016. Thái Lan cũng đã giảm mức thuế suất thuế TNDN xuống 20%.

Cùng với việc điều chỉnh thuế suất thuế TNDN, chính sách ưu đãi thuế trên thế giới những năm gần đây cũng đã có nhiều sự thay đổi. Trong số các hình thức ưu đãi thuế, hình thức miễn, giảm thuế có thời hạn và áp dụng thuế suất ưu đãi khá phổ biến ở các nước đang phát triển, tiếp đến là ưu đãi về giảm thuế suất.

Mức thuế suất thuế TNDN phổ thông ở một số quốc gia

Quốc gia	Thuế suất phổ thông (%)
Australia	30 ¹
Cam-pu-chia	20
Trung Quốc	25 ²

¹ Mức thuế suất 27,5% áp dụng cho các doanh nghiệp có tổng doanh thu hàng năm thấp hơn 25 triệu đô la Australia.

² Mức thuế suất từ 10-20% áp dụng cho DNVVN; 15% áp dụng cho doanh nghiệp công nghệ cao.

* Học viện Tài chính

Quốc gia	Thuế suất phổ thông (%)
Ấn Độ	30
Indonesia	25
Nhật Bản	23,9
Lào	24
Ma-lay-xi-a	24
My-an-ma	25
New Zealand	28
Philippines	30
Nga	20
Xing-ga-po	17
Đài Loan	17
Anh	19
Mỹ	21
Thụy Điển	22
Đan Mạch	22

Nguồn: Deloitte (2017)

Tổng hợp tỷ lệ các hình thức ưu đãi thuế được áp dụng ở một số khu vực trên thế giới (% số quốc gia được điều tra có áp dụng)

	Miễn, giảm thuế có thời hạn	Giảm thuế suất	Giảm trừ nghĩa vụ thuế	Ưu đãi thuế cho R&D	Được tính vào chi phí cao hơn
Đông Á và Thái Bình Dương (12)	92	75	67	83	33
Đông Âu và Trung Á (16)	88	38	25	31	0
Mỹ La-Tinh và Ca-ri-bê (25)	88	32	52	12	4
Trung Đông và Bắc phi (15)	80	40	13	0	0
OECD (33)	21	36	64	76	21
Nam Á (7)	100	43	71	29	71
Khu vực Xa-ha-ra (45)	78	62	78	11	18

Nguồn: James (2014)

Tuy nhiên, gần đây cũng đã có một số quốc gia thực hiện thu hẹp phạm vi ưu đãi thuế nhằm đảm bảo tính trung lập của hệ thống chính sách

thuế, ví dụ như trường hợp Jamaica, Ai Cập hay Trung Quốc. Năm 2013, Jamaica đã thực hiện một công cuộc cải cách thuế khá toàn diện, xóa bỏ nhiều chính sách ưu đãi thuế. Ai Cập năm 2005 cũng đã ban hành Luật thuế thu nhập mới, qua đó đã bãi bỏ chính sách miễn, giảm thuế có thời hạn và áp dụng các quy định chuyển tiếp cho các dự án đang thực hiện. Nguồn vốn FDI vào Ai Cập trong năm sau đó (2005-2006) vẫn tăng gấp đôi (IMF, 2015). Tương tự, cuối thập niên 2000, Trung Quốc cũng đã thực hiện đơn giản hóa chính sách ưu đãi thuế trong lần cải cách thuế năm 2008³. Theo đó, Trung Quốc đã thống nhất áp dụng thuế suất thuế TNDN đối với doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài và thu hẹp phạm vi áp dụng ưu đãi thuế, chuyển từ ưu đãi dựa theo địa bàn sang dựa chủ yếu theo ngành nghề.

Chính sách ưu đãi thuế ở một số quốc gia trên thế giới có thể tóm lược như sau:

a) Ưu đãi về giảm mức thuế suất

Ưu đãi về giảm thuế suất, đặc biệt là thuế suất thuế TNDN đang được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới. Theo đó, các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào các lĩnh vực khuyến khích đầu tư như ngành công nghệ cao, DNNVV,... có thể được hưởng ưu đãi về thuế suất trong một thời hạn nhất định. Cụ thể ở một số nước như sau:

Ở Trung Quốc, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 25%, trong khi đó các DNNVV được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10%-20%, doanh nghiệp công nghệ cao được áp dụng thuế suất 15%. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2015-2017, để hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ, các doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế thấp còn được ưu đãi nhiều hơn, cụ thể như sau: i) Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế nhỏ hơn 200.000 NDT áp dụng thuế suất 10%; ii) Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ 200.000 - 300.000 NDT áp dụng thuế suất 20% trong giai đoạn 01/01/2015-30/9/2015; thuế suất 10% trong giai đoạn 01/10/2015 - 31/12/2017.

³ Từ 01/01/2008, hầu hết các hình thức ưu đãi thuế áp dụng riêng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã bị bãi bỏ, kể cả miễn, giảm thuế có thời hạn.

Ở Thái Lan, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 20% nhưng các DNNVV được áp dụng thuế suất ưu đãi ở mức thấp hơn. Theo đó, các DNNVV có thu nhập chịu thuế từ 300.000 бат trở xuống được miễn thuế, từ 300.001-3.000.000 бат được áp dụng mức thuế suất 15% và trên 3 triệu бат áp dụng mức thuế suất 20%.

Ở Malaysia, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 24%. DNNVV với quy mô vốn nhỏ hơn 2,5 triệu Ringit được áp dụng thuế suất 18% cho phần thu nhập chịu thuế đến 500 nghìn Ringit và phần còn lại chịu thuế suất 24%.

Ở Australia, mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 30% còn mức thuế suất thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhỏ là 27,5% và áp dụng cho doanh nghiệp có tổng thu nhập ít hơn 25 triệu AUD trong năm tài chính 2017-2018 và ít hơn 50 triệu AUD trong năm tài chính 2018-2019.

Các quốc gia khác trong khu vực như Lào, Căm-pu-chia cũng áp dụng các quy định ưu đãi về thuế suất thuế TNDN, ví dụ, các công ty niêm yết ở Lào được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong 4 năm kể từ khi niêm yết so với mức thuế suất thuế TNDN phổ thông là 24%.

b) Ưu đãi về miễn, giảm thuế có thời hạn

Trong số các hình thức ưu đãi thuế, miễn, giảm thuế có thời hạn là hình thức được áp dụng phổ biến nhất, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Trong thập niên 1980, gần 40% các quốc gia có thu nhập trung bình ở khu vực Xa-ha-ra áp dụng hình thức miễn, giảm thuế có thời hạn. Tuy nhiên, đến năm 2005, có hơn 80% các quốc gia ở khu vực này áp dụng miễn giảm thuế có thời hạn (Keen, 2015). So với các nước đang phát triển, tỷ lệ các quốc gia phát triển có sử dụng hình thức ưu đãi về kỳ miễn, giảm thuế thấp hơn đáng kể. Chỉ có 21% số quốc gia thuộc OECD có áp dụng hình thức ưu đãi này. Gần đây, một số nước phát triển đã bãi bỏ hình thức ưu đãi miễn, giảm thuế có thời hạn. Cụ thể ở một số nước như sau:

Tại Trung Quốc, pháp luật về thuế TNDN của nước này cho phép: i) miễn thuế trong 1 năm đầu có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo đối với các ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, các liên

doanh góp vốn cổ phần hoạt động tại các khu phát triển công nghệ mới và công nghệ cao, hoặc tại các đặc khu kinh tế có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên; (ii) miễn thuế trong 2 năm đầu có lãi và 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo đối với các doanh nghiệp có thời gian hoạt động từ 10 năm trở lên trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp hoặc tại địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn, hoặc các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; (iii) miễn thuế trong 5 năm đầu có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo đối với các doanh nghiệp có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cảng, cầu tàu, giao thông vận tải, năng lượng, hoạt động trong các đặc khu kinh tế.

Ở Thái Lan, thời gian được miễn thuế TNDN có thể kéo dài tối đa đến 11 năm, trong đó, đối với dự án đầu tư vào ngành, nghề ưu tiên có thể được miễn thuế tối đa đến 8 năm và nếu vào địa bàn ưu tiên có thể được miễn thuế TNDN tối đa thêm 3 năm. Đối với một số dự án, sau khi hết kỳ miễn thuế TNDN còn có thể được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong vòng 5 năm tiếp theo⁴. Tuy nhiên, pháp luật về thuế TNDN của Thái Lan quy định trong một số trường hợp số thuế được miễn trong thời kỳ ưu đãi không được vượt quá số vốn đầu tư của dự án được khuyến khích.

Malaysia thực hiện ưu đãi thuế cho các dự án mới quan trọng từ 01/01/2016, theo đó miễn 100% thuế TNDN trong 05 năm đối với công ty thành lập mới, công ty thực hiện mở rộng dự án sản xuất thực phẩm; trong 10 năm đối với công ty thực hiện dự án sản xuất thực phẩm mới. Một số ngành (công nghiệp vũ trụ, công nghệ sinh học...) được miễn thuế TNDN trong thời gian từ 10 đến 15 năm.

Bên cạnh các quy định về miễn, giảm thuế TNDN, một số quốc gia còn áp dụng một số quy định về miễn, giảm thuế TNCN để thu hút đầu tư. Song phạm vi các khoản thu nhập được miễn thuế cũng có sự khác biệt giữa các nước, tùy thuộc vào định hướng chính sách của mỗi nước, ví dụ, có nước cho phép miễn thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn (Nam Phi, Argentina...), thu

⁴Được xác định là 20 địa phương có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất.

nhập từ các chương trình tiết kiệm nhà ở dài hạn (Hàn Quốc). Một số quốc gia quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập của hộ gia đình thuộc lĩnh vực nông nghiệp (Sri Lanka, Canada, Hàn Quốc...) và đối với cổ tức của các thành viên đầu tư vào nông nghiệp.

c) Ưu đãi thuế thông qua giảm trừ nghĩa vụ thuế và giảm trừ thu nhập chịu thuế theo đầu tư

Một số quốc gia bên cạnh áp dụng mức thuế suất ưu đãi và miễn, giảm thuế thu nhập trong thời hạn nhất định còn thực hiện chính sách giảm nghĩa vụ thuế và giảm trừ thu nhập chịu thuế theo đầu tư, nhất là ở các nước phát triển. Trong khu vực châu Á cũng có quốc gia áp dụng hình thức ưu đãi này, ví dụ như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và một số nước ASEAN như Thái Lan, Indonesia, Malaysia.

Ở Hàn Quốc, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư tăng sản lượng, phát triển công nghệ và nguồn nhân lực, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, Hàn Quốc áp dụng chính sách giảm nghĩa vụ thuế theo đó: Doanh nghiệp đầu tư máy móc, trang thiết bị trước 31/12/2012 để tăng sản lượng, đảm bảo an toàn được giảm trừ 3% số thuế TNDN phải nộp, riêng đối với DNNVV mức giảm trừ là 7%. Doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ, nguồn nhân lực cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, đào tạo nghề được giảm trừ 10% số thuế phải nộp. Doanh nghiệp đầu tư nhằm tiết kiệm năng lượng trước 31/12/2011 và đầu tư bảo vệ môi trường trước 31/12/2013 được giảm trừ 10% số thuế phải nộp. Số thuế chưa được giảm trừ sẽ được chuyển sang 5 năm tiếp theo.

Ở Malaysia, một số doanh nghiệp có vốn đầu tư lớn, khó thu hồi vốn trong thời gian ngắn có thể lựa chọn hình thức ưu đãi thuế khác như giảm trừ thuế đối với vốn đầu tư. Theo đó, doanh nghiệp có thể được giảm trừ tới 60% vốn đầu tư trong thời gian 10 năm. Số giảm trừ chưa được sử dụng hết có thể được chuyển sang các năm tiếp theo.

d) Ưu đãi thông qua miễn, giảm thuế gián thu

Chính sách ưu đãi thông qua miễn, giảm thuế gián thu cũng được nhiều nước trên thế giới thực hiện, đặc biệt là chính sách thuế nhập

khẩu. Nhiều quốc gia cho phép miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu, đặc biệt là nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, ví dụ như ở Thái Lan, Singapore, Malaysia hay Indonesia. Ở một số quốc gia, để hỗ trợ và thúc đẩy người dân tăng mức chi tiêu cho một số lĩnh vực ưu tiên, pháp luật về thuế GTGT cho phép áp dụng mức thuế suất 0% đối với một số hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong nước, ví dụ, ở Nam Phi hay ở Anh. Tuy nhiên, trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập với việc cắt giảm hàng rào thuế quan, vai trò của chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu đã giảm đáng kể so với trước đây.

e) Các hình thức ưu đãi khác

Ở một số quốc gia khác, để hỗ trợ các doanh nghiệp tăng cường hoạt động nghiên cứu KH&CN, pháp luật về thuế TNDN cho phép doanh nghiệp được giảm trừ một tỷ lệ nhất định nghĩa vụ thuế TNDN dựa trên tổng chi phí cho lĩnh vực KH&CN doanh nghiệp thực hiện, ví dụ, ở Nhật Bản là từ 8-10%; Ca-na-da là 15%; Bồ Đào Nha là 32,5% và Anh là 10%.

Ngoài ra, một số quốc gia cho phép áp dụng cơ chế giảm trừ bổ sung vào thu nhập chịu thuế một tỷ lệ ở mức cao hơn số chi thực tế chi cho một số hoạt động cần khuyến khích, đặc biệt là đối với các khoản chi tiêu cho lĩnh vực KH&CN. Đối với chi tiêu cho hoạt động KH&CN, tỷ lệ này ở Trung Quốc là 150%, ở Nga là 250%, Thái Lan là 200%, Brazil là 160% và Nam Phi là 150%, Singapore là 200%.

Bên cạnh đó, cơ chế hoàn thuế đối với lợi nhuận tái đầu tư cũng được một số quốc gia áp dụng, ví dụ, như In-đô-nê-xi-a cho phép doanh nghiệp nếu sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư tại năm có lợi nhuận hoặc năm sau sẽ được miễn thuế TNDN đối với phần lợi nhuận tái đầu tư. Trung Quốc gần đây để đối phó với cải cách thuế của Mỹ và nhằm mục tiêu giữ lại nguồn lợi nhuận trong nước cũng đã áp dụng chính sách hoàn thuế đối với tái đầu tư.

2. Các chính sách hỗ trợ khác

Bên cạnh các chính sách ưu đãi thuế, chính phủ các nước cũng thực hiện nhiều biện pháp hỗ trợ khác nhằm thu hút ĐTNN, trong đó chủ yếu là các biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu

tư kinh doanh, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, xóa bỏ hạn chế ĐTNN đối với một số lĩnh vực nhạy cảm hoặc cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Cụ thể:

Trung Quốc: Theo Thông tư hướng dẫn thu hút và sử dụng đầu tư trực tiếp nước ngoài ngày 17/01/2017, Trung Quốc thực hiện tự do hóa các lĩnh vực cho ĐTNN; mở cửa cho ĐTNN từng bước vào các lĩnh vực nhạy cảm như viễn thông, giáo dục, internet, công nghiệp, giao thông vận tải; các doanh nghiệp có vốn ĐTNN sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo chiến lược “Made in China 2025”; xóa bỏ quy định về vốn tối thiểu đối với các doanh nghiệp ĐTNN; sửa đổi danh mục hạn chế ĐTNN (giảm danh sách các ngành cấm thu hút đầu tư từ 63 ngành/lĩnh vực năm 2017 xuống còn 48 ngành/lĩnh vực, giảm danh sách các ngành cấm thu hút đầu tư trong khu vực thương mại tự do từ 95 ngành/lĩnh vực xuống còn 45 ngành/lĩnh vực)... Doanh nghiệp ĐTNN trong các ngành được khuyến khích có thể tiếp tục được hưởng lợi về chi phí sử dụng đất (70% mức giá cấp đất tối thiểu).

Indonesia: Trong giai đoạn 2015-2017, Chính phủ Indonesia đã đưa ra 16 gói kích thích và bãi bỏ quy định nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, trong đó tập trung vào việc bãi bỏ quy định, cắt giảm các quy định hạn chế trước đây và tăng cường hoạt động thực thi pháp luật nhằm hỗ trợ doanh nghiệp; giảm thời gian cấp phép các dự án mới, thời gian cấp đất và mua sắm hàng hóa dịch vụ công được nhanh chóng; rút ngắn và đơn giản hóa quá trình xin giấy phép kinh doanh (nộp trực tuyến tất cả các tài liệu cần thiết để xin cấp giấy phép đầu tư thay cho việc phải thực hiện thông qua nhiều cơ quan như trước đây); tiếp tục ưu đãi thuế cho các ngành trong khu kinh tế đặc biệt, đồng thời miễn thuế cho hai ngành: sản xuất nông nghiệp và công nghiệp kỹ thuật số, đồng thời cho phép nói lỏng danh mục đầu tư bị cấm hoặc hạn chế của quốc gia đối với một số lĩnh vực ưu tiên như dệt may...

Hàn Quốc: Chính phủ Hàn Quốc ưu đãi ĐTNN thông qua việc cấp tiền mặt đối với các khoản ĐTNN thỏa mãn một số điều kiện nhất định như: Yếu tố công nghệ cao, hiệu quả của việc chuyển giao công nghệ, quy mô tạo việc làm, liệu ĐTNN có trùng với đầu tư trong nước hay không, quyền sở hữu của địa điểm thực hiện dự án đầu tư... Cụ thể: Dự án đầu tư có tỷ lệ ĐTNN từ 30% trở lên thuộc một trong trường hợp sau đây sẽ đủ điều kiện nhận trợ cấp tiền mặt: (1) hình thành nhà máy mới hoặc mở rộng nhà máy hiện có (hoặc một cơ sở kinh doanh trong trường hợp kinh doanh phi sản xuất) và thực hiện hoạt động kinh doanh có công nghệ cao; (2) hình thành nhà máy mới hoặc mở rộng nhà máy hiện có để sản xuất các bộ phận và vật liệu để thúc đẩy chuyên môn hóa các tập đoàn và thỏa mãn là vật liệu đóng góp đáng kể vào giá trị gia tăng cao của sản phẩm cuối cùng; Vật liệu đòi hỏi công nghệ tiên tiến và có hiệu ứng lan tỏa công nghệ cao; Vật liệu đóng vai trò là nền tảng của một ngành công nghiệp hoặc có hiệu ứng liên kết giữa các ngành; (3) hình thành nhà máy mới (hoặc một cơ sở kinh doanh trong trường hợp kinh doanh phi sản xuất) hoặc mở rộng cơ sở hiện có mà tạo ra số việc làm lớn hơn so với quy định cụ thể của từng ngành, lĩnh vực; (4) hình thành cơ sở mới hoặc mở rộng cơ sở hiện có về hoạt động R&D và đi kèm với yếu tố công nghệ cao hoặc trường hợp một tổ chức phi lợi nhuận nhận được sự ĐTNN để thành lập mới hoặc mở rộng một cơ sở nghiên cứu; (5) đầu tư có đóng góp đáng kể cho nền kinh tế được Ủy ban ĐTNN công nhận, thỏa mãn điều kiện là một công ty nước ngoài sở hữu các doanh nghiệp ở ba quốc gia trở lên đặt một trụ sở khu vực tại Hàn Quốc và có quyền kiểm soát từ hai quốc gia trở lên. Ngoài ra, cổ phần của công ty mẹ cần có ít nhất 50% và doanh thu trung bình hàng năm của công ty mẹ xét trong 5 năm gần nhất phải đạt 3 nghìn tỷ KRW trở lên; Công ty nước ngoài tham gia vào ngành công nghiệp chiến lược theo đạo luật về phát triển quốc gia cân bằng và được công nhận rằng ngành công nghiệp liên quan sẽ đóng góp cho sự phát triển kinh tế của địa phương.

3. Gợi ý chính sách cho Việt Nam

Qua nghiên cứu kinh nghiệm về các chính sách ưu đãi nhằm tăng cường thu hút FDI của một số nước, có thể rút ra một số gợi ý chính sách cho Việt Nam, cụ thể như sau:

Thứ nhất, xem xét rà soát cải cách chính sách thuế theo hướng hợp lý hóa cơ cấu thuế suất, mở rộng cơ sở tính thuế; cải cách quản lý hành chính về thuế, áp dụng các loại thuế tiên tiến phù hợp với nguyên tắc của thị trường và thông lệ quốc tế. Việt Nam là quốc gia đang phát triển và yêu cầu phải điều chỉnh chính sách thuế càng trở nên cấp thiết vì đến nay, Việt Nam vẫn còn thiên về bảo hộ sản xuất trong nước và khuyến khích xuất khẩu thông qua hệ thống thuế quan và trợ cấp, trong đó có không ít biện pháp không phù hợp với thông lệ quốc tế.

Thứ hai, thực hiện lộ trình giảm thuế hợp lý và tương thích với đặc điểm kinh tế, có tính tới tương quan và kết cấu mặt hàng xuất nhập khẩu trên các thị trường khác nhau, không làm biến động ngân sách nhà nước, cũng như hài hòa giữa các địa phương trong cả nước.

Thứ ba, điều chỉnh thuế suất hàng hóa tiêu thụ nội địa để bù đắp một phần cho khoản giảm thu từ thuế xuất nhập khẩu, hướng tới việc cân đối ngân sách nhà nước.

Thứ tư, xác định rõ ràng và cụ thể mục tiêu và đối tượng ưu đãi tài chính. Danh sách các ngành, lĩnh vực được hưởng mức độ ưu đãi đầu tư cao hơn cần được rà soát cẩn thận, kỹ lưỡng để đảm bảo sự công bằng, bình đẳng cho các NĐT. Sẽ không hợp lý nếu đặt ra quá nhiều mục tiêu cho một ngành riêng lẻ như sử dụng nhiều lao động, sử dụng nhiều vốn, áp dụng công nghệ tiên tiến, hướng về xuất khẩu... Đồng thời, xem xét lại việc ưu đãi tài chính đầu tư theo địa bàn, nhất là ở những địa phương vùng sâu, vùng xa. Việc đưa ra quá nhiều ưu đãi tài chính cho các địa phương này vô hình chung tạo ra trách nhiệm xóa đói giảm nghèo cho địa phương lên vai NĐT trong khi quan tâm hàng đầu của NĐT là lợi nhuận. Do đó, chính sách này có thể gây ra tác dụng ngược, làm NĐT không hứng thú khi đầu tư vào những địa bàn này. Do vậy, nên quy hoạch lại các vùng khuyến khích, ưu đãi đầu tư cho phù hợp với thế mạnh của vùng đó

để những ưu đãi đó phát huy được hiệu quả, chứ không nên dành ưu đãi cho tất cả các vùng có khó khăn. Bên cạnh đó, cần xem xét cụ thể mục tiêu ưu đãi để có chính sách phù hợp, phân biệt rõ ưu đãi cho dự án đầu tư mới hay dự án mở rộng. Nếu Chính phủ muốn tạo thêm công ăn việc làm thì dành ưu đãi cho các dự án mới; nếu muốn đổi mới công nghệ thì dành ưu đãi cho các dự án mở rộng; nếu đơn giản chỉ muốn tăng thêm lượng vốn FDI càng nhiều càng tốt, thì sẽ không cần phân biệt dự án mới hay dự án mở rộng.

Tuy nhiên, nếu khuyến khích ưu đãi đầu tư tài chính quá lớn, thời gian quá dài có thể dẫn đến triệt tiêu lợi ích của nước nhận đầu tư, thì dự án đầu tư đó sẽ trở nên vô nghĩa với nước nhận đầu tư. Mặt khác, trong nhiều trường hợp, dù áp dụng mạnh mẽ các biện pháp ưu đãi đầu tư nhưng kết quả thu hút đầu tư không được như mong muốn, vì còn do nhiều nguyên nhân như: Chất lượng cơ sở hạ tầng, các mối quan hệ kinh tế quốc tế không thuận lợi... Do đó, phải kết hợp đồng thời các biện pháp, giải pháp đồng bộ thì mới đạt được kết quả thu hút FDI như mong muốn.

Tài liệu tham khảo:

Bộ Tài chính (2019) Báo cáo kinh nghiệm các nước về chính sách thu hút ĐTNN

Magnus Bloomstrom and Ari Kokko (2003), *The economics of foreign direct investment incentives*, Working paper 168, <http://www2.hhs.se/eijswp/168.pdf>;

Charles Oman (1999), *Policy competition for foreign direct investment : a study of competition among governments to attract FDI*, <http://www.oecd.org/dataoecd/37/2/2758457.pdf>;

<http://oecd.org/dataoecd/45/21/2506900.pdf>;

<https://www.gov.uk/government/publications/corporation-tax-to-17-in-2020>

<https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/global/Documents/Tax/dttl-tax-withholding-tax-rates.pdf>

[http://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/EY-2018-global-outlook-for-tax-policy/\\$File/EY-2018-global-outlook-for-tax-policy.pdf](http://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/EY-2018-global-outlook-for-tax-policy/$File/EY-2018-global-outlook-for-tax-policy.pdf)

<https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/global/Documents/Tax/dttl-tax-corporate-tax-rates.pdf>

<https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/cn/Documents/international-business-support/deloitte-cn-ibs-thailand-tax-invest-en-2017.pdf>

<http://www.nst.com.my/news/2016/10/182274/2017-budget-tax-incentives-companies>